

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI LINH SAN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI LINH SAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LINH SAN INVESTMENT AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LINH SAN IAT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107793129

**3. Ngày thành lập:** 10/04/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 30 đường Phạm Văn Đồng, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                 | 8230        |
| 2.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                              | 2592        |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                              | 9521        |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất công nghiệp                                                                                                              | 4669(Chính) |
| 5.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô                                                                                                                                    | 4933        |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                    | 4311        |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                         | 4312        |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649        |
| 9.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                     | 4100        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                           | 4322        |
| 11. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hóa chất công nghiệp                                                                                                         | 4773        |
| 12. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                    | 2023        |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                        | 4652        |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                          | 5610        |
| 15. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                     | 9524        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 16. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2220 |
| 17. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2013 |
| 18. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất giêlatin và dẫn xuất giêlatin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su;<br>- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;<br>- Sản xuất chất giống nhựa;<br>- Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;<br>- Sản xuất các sản phẩm hoá chất khác<br>- Sản xuất hóa chất công nghiệp (trừ hóa chất Nhà nước cấm) | 2029 |
| 19. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4632 |
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4759 |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp<br>Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng<br>Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính)<br>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                     | 7730 |
| 22. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 9522 |
| 23. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1079 |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4722 |
| 25. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5210 |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4330 |
| 27. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn giày dép<br>Bán buôn hàng may mặc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4641 |
| 28. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4620 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>Chi tiết: - Sản xuất ga y học và công nghiệp vô cơ dạng lỏng hoặc nén :<br>- Sản xuất thuốc nhuộm, chất nhuộm từ bất kì nguồn nào dưới dạng cơ bản hoặc chất cô đặc:<br>- Sản xuất các sản phẩm thơm tổng hợp;<br>- Sản xuất các sản phẩm cùng loại sử dụng như chất làm sáng huỳnh quang; | 2011 |
| 30. | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2012 |
| 31. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                         | 2022 |
| 32. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, véc ni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.        | 4663 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

### **7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | LƯU THỊ LAN    | tổ dân phố Hoàng 11, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 10.000.000.000        | 50,000    | 030194001250                                                                                                                                      |         |
| 2   | LƯU THỊ HÀ     | Tổ dân phố Hoàng 11, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | 10.000.000.000        | 50,000    | 013296996                                                                                                                                         |         |

### **8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: LƯU THỊ LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/04/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030194001250

Ngày cấp: 23/01/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố Hoàng 11, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: tổ dân phố Hoàng 11, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội